

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 316/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh **Võ Minh C**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: tổ H, ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Chị **Nguyễn Thị Lệ X**, sinh 1983;

Địa chỉ: ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Minh C và chị Nguyễn Thị Lệ X thành hôn vào năm 2010, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, anh C và chị A đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã C, huyện M. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C và chị A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh C và chị A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh C và chị A có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Võ Phúc E, sinh ngày XYZ. Sau khi ly hôn, các bên thỏa thuận anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh C không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh C và chị A là phù hợp với quy định tại Điều 55 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Anh C và chị A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh C và chị A khai không có.

[5] Lệ phí Tòa án: Anh C và chị A thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các thỏa thuận trên của anh C và chị A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Minh C và chị Nguyễn Thị Lệ X thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Anh Võ Minh C và chị Nguyễn Thị Lệ X không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Phúc E, sinh ngày XYZ. Sau khi ly hôn, anh Võ Minh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung (phù hợp với nguyện vọng của con). Ghi nhận sự tự nguyện tạm thời của anh Võ Minh C không yêu cầu chị Nguyễn Thị Lệ X cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Lệ X quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Võ Minh C và chị Nguyễn Thị Lệ X khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Võ Minh C và chị Nguyễn Thị Lệ X khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, anh Võ Minh C và chị Nguyễn Thị Lệ X tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0001048 ngày 10/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã c, huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như